

Số: /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 và các văn bản hướng dẫn Luật Thủy sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 6094/BNN-KH ngày 24/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thông báo kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số: 3311/QĐ-BNN-KH ngày 25/8/2020 về việc giao nhiệm vụ thực hiện chuẩn bị đầu tư Dự án Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đầm Đề Gi kết hợp cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát; 3211/QĐ-BNN-KH ngày 20/7/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi; 4562/QĐ-BNN-KH ngày 24/10/2022 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định số: 3723/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 Khu vực phía Nam đầm Đề Gi, huyện Phù Cát đến năm 2035; 2953/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Quy hoạch dọc đường ven biển đoạn Đề Gi- Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; 2051/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi; 3005/QĐ-UBND ngày

16/9/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 04/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 283/TTr-SNN ngày 25/11/2022 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định (chủ đầu tư) trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (kèm theo báo cáo số 1087/BC-TCTS-KHTC ngày 29/11/2022) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi, với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên dự án:** Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi.
- 2. Người quyết định đầu tư:** Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- 3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định.
- 4. Mục tiêu:** Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi thành khu neo đậu cấp vùng (quy mô tàu neo đậu không vượt quá 2.000 chiếc/300CV) có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ tàu thuyền vào neo đậu tránh trú bão nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản của ngư dân tỉnh Bình Định và các tỉnh lân cận, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho ngư dân.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Xây dựng khu neo đậu

5.1.1. Vùng nước neo đậu tàu:

- Vùng nước neo đậu tàu có tổng diện tích khoảng 65 ha, bao gồm:
 - + Vùng nước neo đậu tàu có chiều dài < 15m (< 90CV): Diện tích: 18,0 ha; cao độ đáy khu nước: -2,0m (hệ cao độ Hòn Dấu).
 - + Vùng nước neo đậu tàu có chiều dài 15 ÷ 24m (90 ÷ 200 CV): Diện tích: 37 ha; cao độ đáy: -3,8m.
 - + Vùng nước neo đậu tàu có chiều dài trên 24m đến 35m (> 200CV) Diện tích: 10 ha; cao độ đáy: -4,8m.

- Khối lượng nạo vét khoảng 673.000 m³.

5.1.2. Hệ thống phụ trợ neo tàu:

- Phao neo tàu: Số lượng dự kiến 43 phao. Kết cấu phao làm bằng thép, được neo giữ bằng rùa neo.

- Khuyên neo tàu: Số lượng dự kiến 72 cái.

5.1.3. Hệ thống báo hiệu:

- Trụ đèn báo hiệu khu neo đậu: 01 trụ báo hiệu bằng thép, đỉnh trụ có gắn đèn báo hiệu.

- Phao báo hiệu luồng và báo hiệu giới hạn vùng nước neo đậu: số phao báo hiệu dự kiến 08 bộ.

- Cột báo hiệu luồng và vùng nước neo đậu: số cột báo hiệu dự kiến 03 cột.

5.2. Nạo vét luồng chạy tàu:

- Luồng tàu chính vào khu neo đậu dài khoảng 4.200m, được chia làm 03 đoạn:

+ Đoạn từ đầu tuyến đến vùng nước cảng cá Đề Gi dài khoảng 1.500m, chiều rộng luồng khoảng 60,0m; cao trình đáy luồng khoảng -4,8m.

+ Đoạn từ vùng nước trước cảng cá Đề Gi đến hết vùng nước neo đậu loại tàu có chiều dài tàu trên 24m đến 35m dài khoảng 900m, chiều rộng luồng khoảng 36,0m; cao trình đáy luồng khoảng - 4,8m.

+ Đoạn từ vùng nước neo đậu (loại tàu có chiều dài tàu trên 24m đến 35m) đến cuối tuyến dài 1.800m, chiều rộng luồng 36,0m; cao trình đáy luồng -3,8m.

- Khối lượng nạo vét khoảng 214.000 m³.

5.3. Sửa chữa, nâng cấp đê chắn sóng, chắn cát phía Nam luồng tàu:

- Nâng cao trình đoạn đê chắn cát cũ (dài khoảng 162m) bằng kết cấu bê tông cốt thép đổ bù trên mặt đê hiện có đến cao trình dự kiến +2,0m, kết hợp tường chắn sóng kết cấu bê tông cốt thép dự kiến cao 1,0m. Phía trong đỉnh đê bổ sung đá hộc tạo mái tiếp giáp với lừng thể đá hộc hiện có.

5.4. Xây dựng Kè bờ kết hợp neo buộc tàu phía Bắc khu neo đậu (Gồm 03 đoạn):

5.4.1. Đoạn kè số 1:

- Kè có chiều dài khoảng 1.000m (điểm đầu trước Trường THCS Mỹ Thành cho đến giáp khu đất của Công ty CP phát triển hàng hải Bình Định). Cao độ đỉnh kè 2,3m.

- Kết cấu dạng tường đứng bằng cừ ván bê tông cốt thép dự ứng lực dài khoảng 13m; phía sau tường cừ bố trí mố neo bằng bê tông cốt thép (khoảng cách 5m/01 mố), liên kết mố neo và tường cừ bằng thanh neo; phía ngoài chân tường gia cố lừng trụ đá hộc; mặt kè rộng khoảng 8m, gia cố bằng bê tông.

5.4.2. Đoạn kè số 2:

- Kè có chiều dài khoảng 680m (điểm đầu giáp đê chắn sóng Vĩnh Lợi cho đến bến đò Vĩnh Lợi). Cao độ đỉnh kè +2,2m.

- Kết cấu dạng tường đứng bằng cừ ván bê tông cốt thép dự ứng lực dài khoảng 13m; phía sau tường cừ bố trí mố neo bằng bê tông cốt thép (khoảng cách

5m/01 mố), liên kết mố neo và tường cừ bằng thanh neo; phía ngoài chân tường gia cố lãng trụ đá hộc; mặt kè rộng dự kiến khoảng 8m, gia cố bằng bê tông.

5.4.3. Đoạn kè số 3:

- Kè có chiều dài khoảng 400m (điểm đầu từ nhà máy đá Vĩnh Lợi cho đến hạ lưu cầu Đê Gi (đang xây dựng). Cao độ đỉnh kè +2,6m.

+ Kè có kết cấu dạng mái nghiêng. Kết cấu thân kè bằng đắp đất đầm chặt $K \geq 0,95$; mái phía đầm gia cố bằng tấm bê tông đúc sẵn, đá dăm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng bê tông cốt thép; chân kè có kết cấu bằng ống buy bê tông đúc sẵn, phía ngoài gia cố lãng trụ đá hộc; đỉnh kè bố trí tường chắn sóng kết cấu bằng bê tông cốt thép cao dự kiến khoảng 0,6m; mặt kè rộng 2,5m gia cố bằng bê tông.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty cổ phần thiết kế và xây dựng công trình Trường Sinh và Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung (thuộc Trường Đại học Thủy lợi).

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất xây dựng công trình:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Cát và huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.
- Diện tích đất xây dựng công trình: khoảng 4,6 ha.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: chi tiết tại Phụ lục II kèm theo.

10. Tổng mức đầu tư: 320.000.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tỷ đồng).

Bao gồm:

- | | |
|------------------------------------|----------------------|
| - Chi phí hỗ trợ, bồi thường GPMB: | 17.841.691.000 đồng |
| - Chi phí xây dựng: | 242.162.630.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 3.880.182.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 10.027.954.000 đồng |
| - Chi phí khác: | 11.481.126.000 đồng |
| - Chi phí dự phòng: | 34.606.417.000 đồng |

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

11. Tiến độ thực hiện dự án: 04 năm, kể từ khi khởi công.

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách trung ương (do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý): 300.000.000.000 đồng;

- Vốn ngân sách địa phương: 20.000.000.000 đồng (để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Thực hiện theo chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng hiện hành.

15. Các nội dung khác:

15.1. Các lưu ý trong trong giai đoạn triển khai sau thiết kế cơ sở:

- Các nội dung được phép thay đổi trong bước thiết kế sau thiết kế cơ sở: Diện tích, cao độ nạo vét, biện pháp thi công nạo vét vùng nước neo đậu và luồng chạy tàu; số lượng, kích thước phao neo và trụ neo; cao trình nâng cấp mặt đê phía Nam luồng chạy tàu; chiều dài, chiều rộng, cao độ đỉnh kè và chiều dài ván cừ bê tông cốt thép dự ứng lực của Kè bờ kết hợp neo buộc tàu phía Bắc khu neo đậu; Việc điều chỉnh không làm vượt tổng mức đầu tư dự án.

- Về hạng mục sửa chữa, nâng cấp đê chắn sóng, chắn cát phía Nam luồng tàu: chủ đầu tư tổ chức kiểm định chất lượng công trình hiện trạng để lựa chọn giải pháp sửa chữa nâng cấp đê đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng mục tiêu đề ra.

15.2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn Tỉnh theo đúng quy định hiện hành; bố trí đủ vốn đáp ứng tiến độ triển khai của dự án.

- Thực hiện quyết toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp quyết toán chung.

- Tổ chức tiếp nhận quản lý tài sản hình thành từ Dự án, giao đơn vị quản lý sử dụng, khai thác vận hành đúng quy định pháp luật.

15.3. Yêu cầu đối với chủ đầu tư:

- Hiệu chỉnh, hoàn thiện thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế cơ sở, chi phí thuộc tổng mức đầu tư theo kết quả thẩm định của Tổng cục Thủy sản (các Báo cáo số: 1749/BC-TCTS-KHTC ngày 13/10/2022; 1087/BC-TCTS-KHTC ngày 29/11/2022).

- Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát bước thiết kế thi công, thiết kế xây dựng công trình, phù hợp yêu cầu các quy hoạch và kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt, thiết kế cơ sở được thẩm định và đảm bảo hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại các Điều: 25; 26; 32 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

- Lập biện pháp và quản lý đối với bãi chứa chất nạo vét. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chấp thuận trước khi chuyển giao cho đơn vị khác để tận dụng khối lượng nạo vét san lấp mặt bằng (trước khi chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định thực hiện chức năng chủ đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý vốn, kỹ thuật, chất lượng, tiến độ; giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện theo các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, về bảo vệ môi trường; bàn giao đưa công trình vào sử dụng theo đúng các quy định chuyên ngành.

- Tổng cục Thủy sản thực hiện chức năng cơ quan chuyên môn về xây dựng, là đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

- Vụ Kế hoạch thực hiện chức năng phân bổ vốn đầu tư thực hiện dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản; Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- UBND tỉnh Bình Định;
- Kho bạc NN tỉnh Bình Định;
- Lưu: VT, TCTS (12 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp